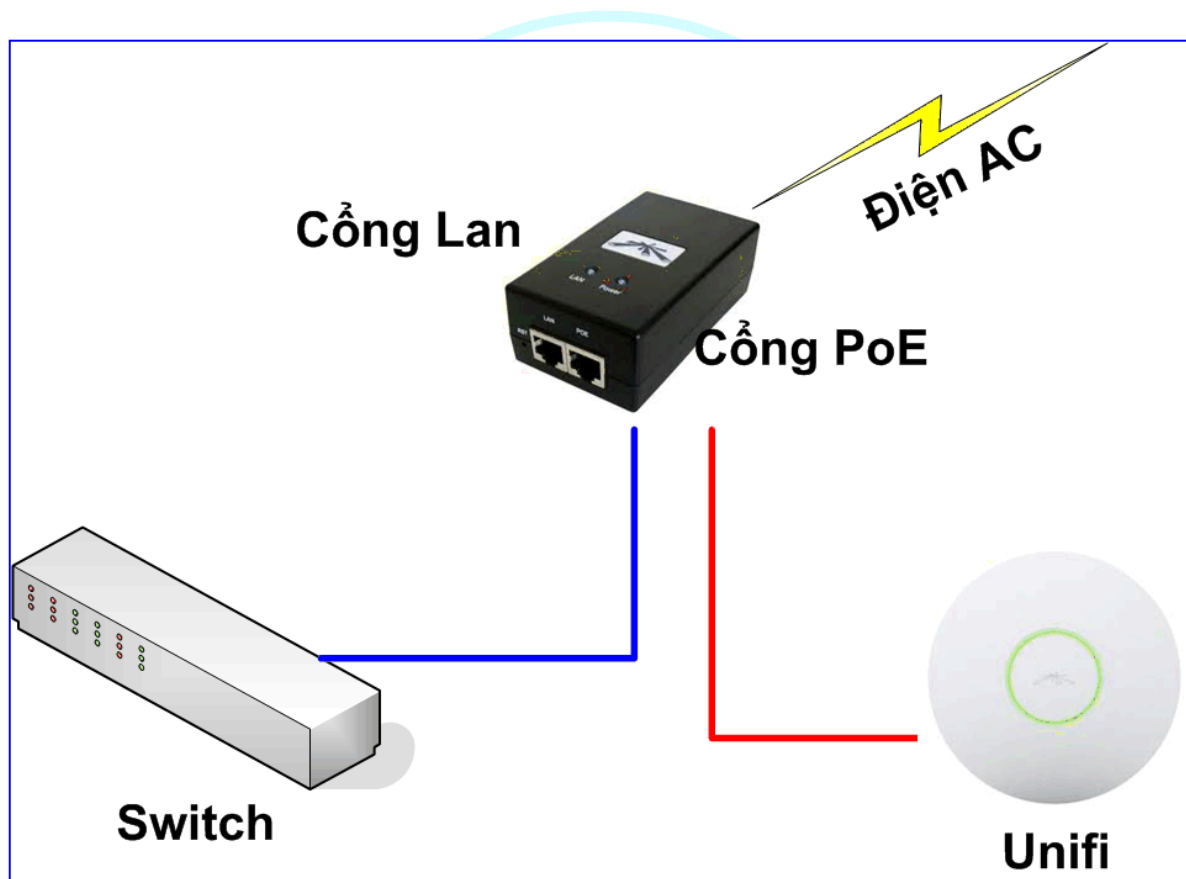


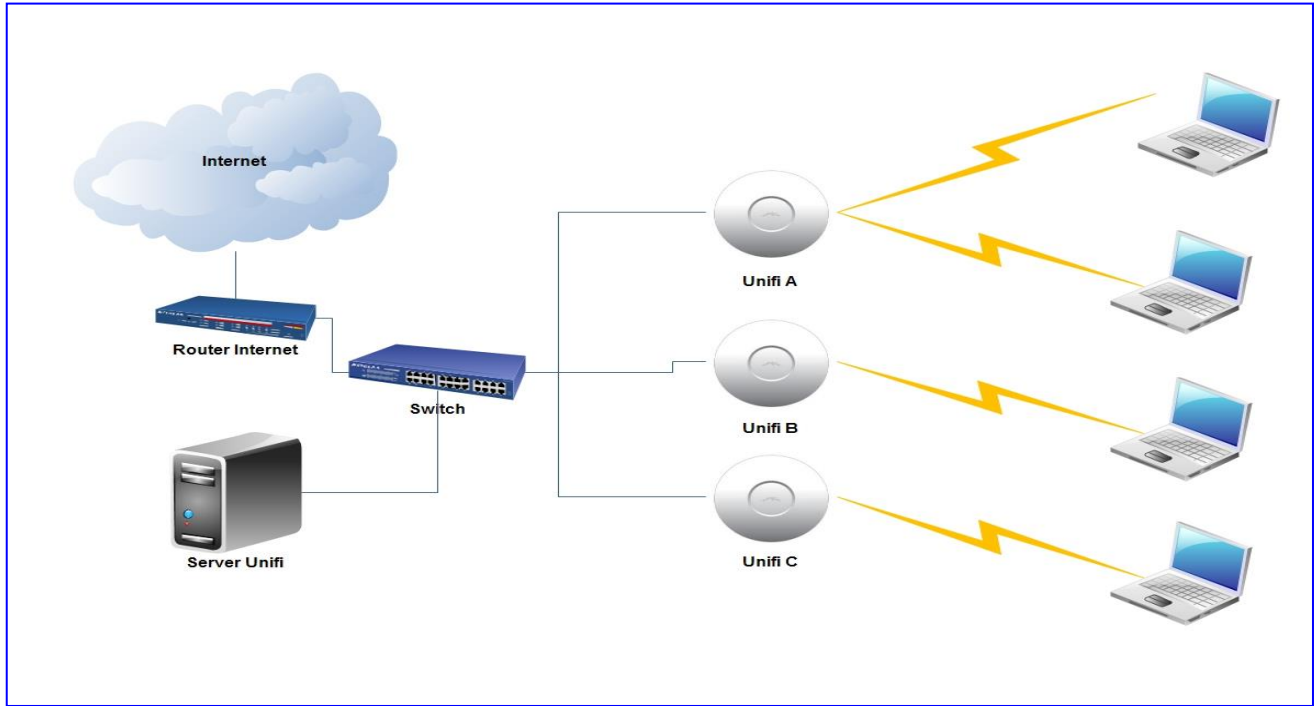
# HƯỚNG DẪN CẤU HÌNH ACCESS POINT CHO THIẾT BỊ UNIFI

## I. Cấu hình Controller

- Mô hình đầu nối:

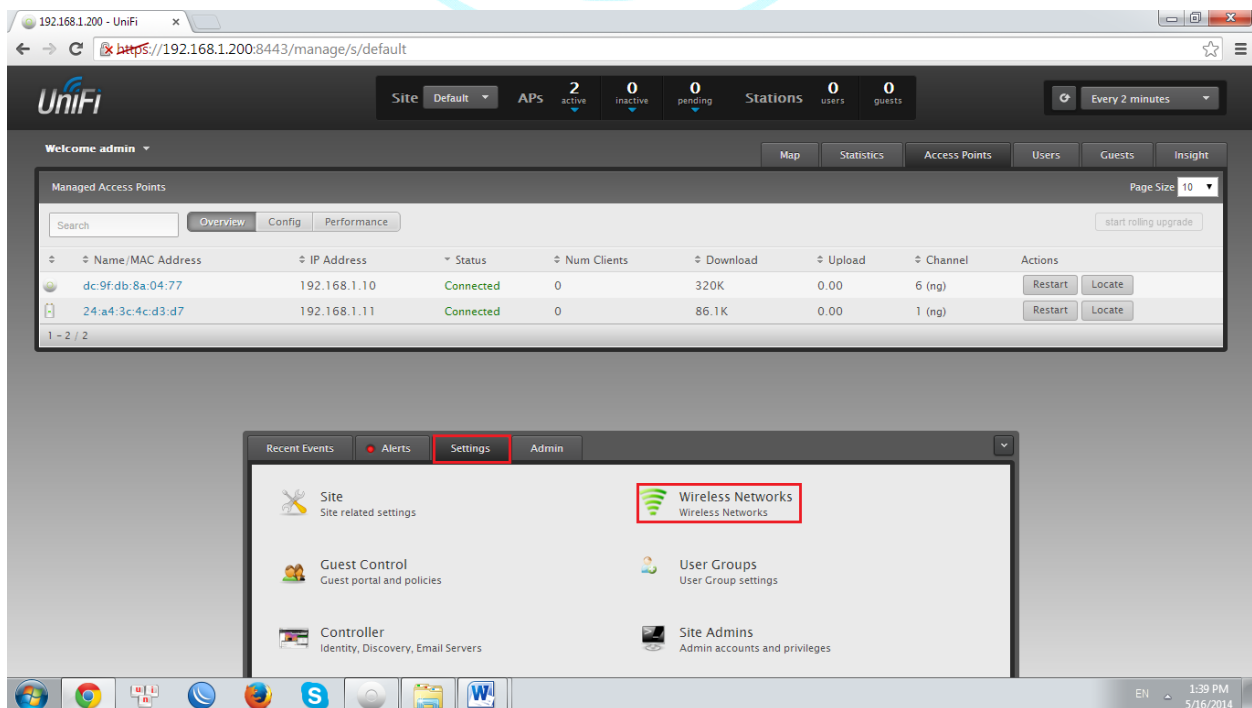


- Mô hình logic



Mặc định ban đầu khi cài đặt UniFi Controller (cài đặt trên máy tính nội bộ), hệ thống bắt buộc phải tạo một tên phát sóng SSID và Password ban đầu, tuy nhiên có thể thay đổi cấu hình ban đầu đó.

Để kiểm tra cấu hình ban đầu của UniFi chọn vào thanh Menu phía dưới, vào tab **Settings** → **Wireless Networks**, tại đây có thể thấy cấu hình SSID wireless ban đầu.



The screenshot shows the UniFi web interface. At the top, there are statistics for Site (Default), APs (2 active, 0 inactive, 0 pending), Stations (0 users, 0 guests), and a refresh button set to 'Every 2 minutes'. Below this is a 'Welcome admin' message and navigation tabs for Map, Statistics, Access Points, Users, Guests, and Insight. The main content area is titled 'Managed Access Points' and includes a search bar and tabs for Overview, Config, and Performance. A table lists two access points:

| Name/MAC Address  | IP Address   | Status    | Num Clients | Download | Upload | Channel | Actions        |
|-------------------|--------------|-----------|-------------|----------|--------|---------|----------------|
| dc:9f:db:8a:04:77 | 192.168.1.10 | Connected | 0           | 365K     | 0.00   | 6 (ng)  | Restart Locate |
| 24:a4:3c:4c:d3:d7 | 192.168.1.11 | Connected | 0           | 122K     | 0.00   | 1 (ng)  | Restart Locate |

Below the table, there is a 'Settings > WLAN Group' window. It shows a table with columns for Name, Security, Guest Network, and Actions. The 'WiFi Test' group is selected, and the 'Create' button is highlighted. A blue text overlay reads: 'Chọn Create để tạo cấu hình wireless với tên phát sóng mới'. Another blue text overlay reads: 'Chọn Edit để chỉnh sửa cấu hình hoặc Delete để xóa cấu hình cũ'.

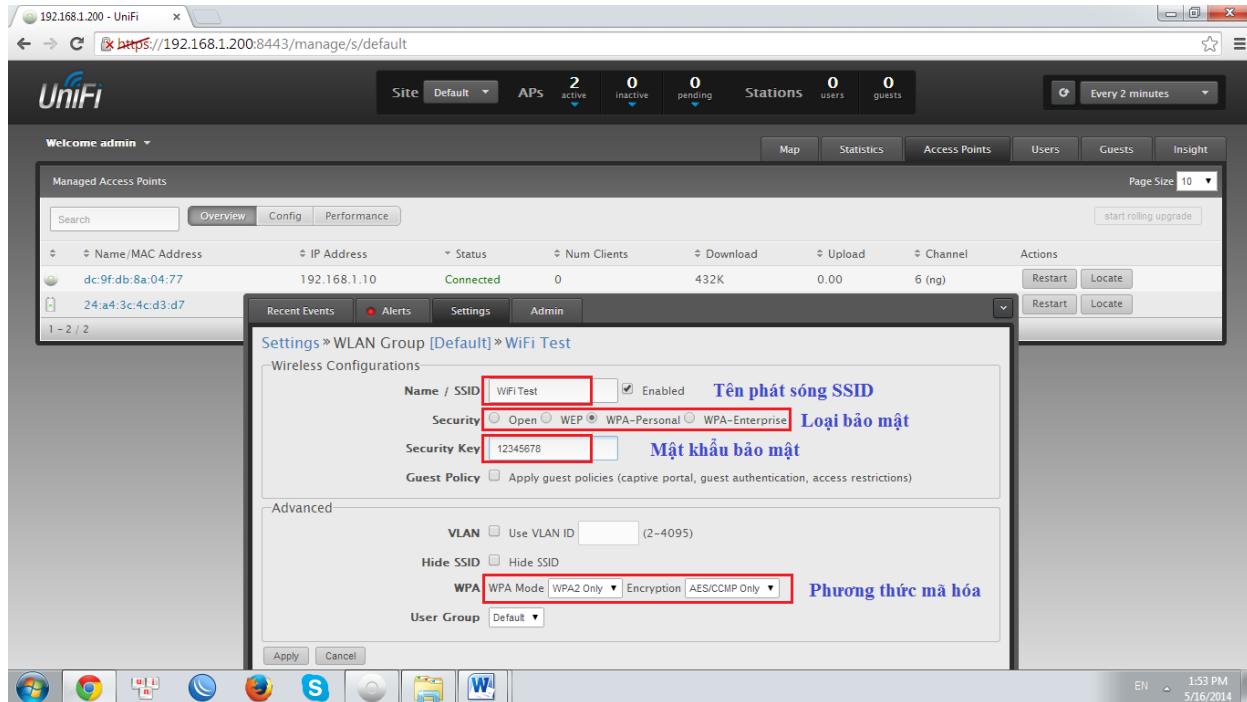
Để cấu hình Access Point, có thể chọn vào **Edit** để chỉnh sửa cấu hình ban đầu hoặc chọn **Create** để tạo mới một cấu hình Wireless. Lưu ý, nếu muốn thiết bị chỉ phát một SSID thì xóa (**Delete**) cấu hình wireless ban đầu, còn nếu muốn thiết bị phát nhiều SSID thì chỉ việc tạo mới thêm các

This screenshot shows the UniFi web interface with the 'Settings > WLAN Group' window open. The 'WiFi Test' group is selected, and the 'Create' button is highlighted. A blue text overlay reads: 'Cấu hình Wireless được khởi tạo ban đầu'. The table in the background shows the same two access points as in the previous screenshot.

cấu hình Wireless khác, với thiết bị UniFi cho phép cấu hình lên tới 4 tên phát sóng SSID.

### 1. Cấu hình chế độ Access point cơ bản

Cấu hình chế độ Access Point cơ bản bao gồm như sau:



Lưu ý với chế độ bảo mật nên ưu tiên lựa chọn WPA-Personal với WPA2 AES/CCMP (như cấu hình) để đảm bảo tối ưu bảo mật cơ bản và tín hiệu WiFi.

### 2. Cấu hình chế độ Access Point với VLAN ứng với từng tên phát sóng

Thiết bị UniFi cho phép cấu hình VLAN ứng với từng tên phát sóng SSID, có nghĩa nếu Access Point được liên kết với một port/ interface trunk nhiều VLAN thì tương ứng với VLAN được cấu hình trong mỗi SSID, lưu lượng người dùng sẽ được đi trên đúng đường VLAN đó để giao tiếp với mạng ngoài.

Settings » WLAN Group [Default] » New Wireless Network

Wireless Configurations

Name / SSID: WFiTest 1  Enabled

Security:  Open  WEP  WPA-Personal  WPA-Enterprise

Security Key: 12345678

Guest Policy:  Apply guest policies (captive portal, guest authentication, access restrictions)

Advanced

VLAN:  Use VLAN ID 2 (2-4095) **Cấu hình VLAN ứng với SSID theo VLAN truy cập**

Hide SSID:  Hide SSID

WPA: WPA Mode: WPA2 Only Encryption: AES/CCMP Only

User Group: Default

Lưu ý rằng để triển khai VLAN trên thiết bị UniFi, yêu cầu Switch/ Router có hỗ trợ VLAN.

### 3. Cấu hình chế độ Access Point với tính năng Guest Access

Tính năng Guest-Access cho phép các user truy cập sẽ hoạt động chỉ với quyền “guest”. Mạng cấu hình cho truy cập Guest theo mặc định sẽ hạn chế khách truy cập vào tất cả các địa chỉ IP nội bộ trong LAN (quy định trong **Guest Control**), người dùng chỉ có thể kết nối và ra Internet.

Vào cấu hình Wireless bật tính năng **Guest Policy**,

Settings » WLAN Group [Default] » New Wireless Network

Wireless Configurations

Name / SSID: WFi Guest  Enabled

Security:  Open  WEP  WPA-Personal  WPA-Enterprise

**Guest Policy:  Apply guest policies (captive portal, guest authentication, access restrictions)** **Bật tính năng Guest Policy để cấu hình chế độ Guest Access**

Advanced

VLAN:  Use VLAN ID (2-4095)

Hide SSID:  Hide SSID

User Group: Default

Mặc định sau khi bật tính năng này, các user truy cập thông qua SSID WiFi Guest sẽ bị hạn chế truy cập vào mạng nội bộ.

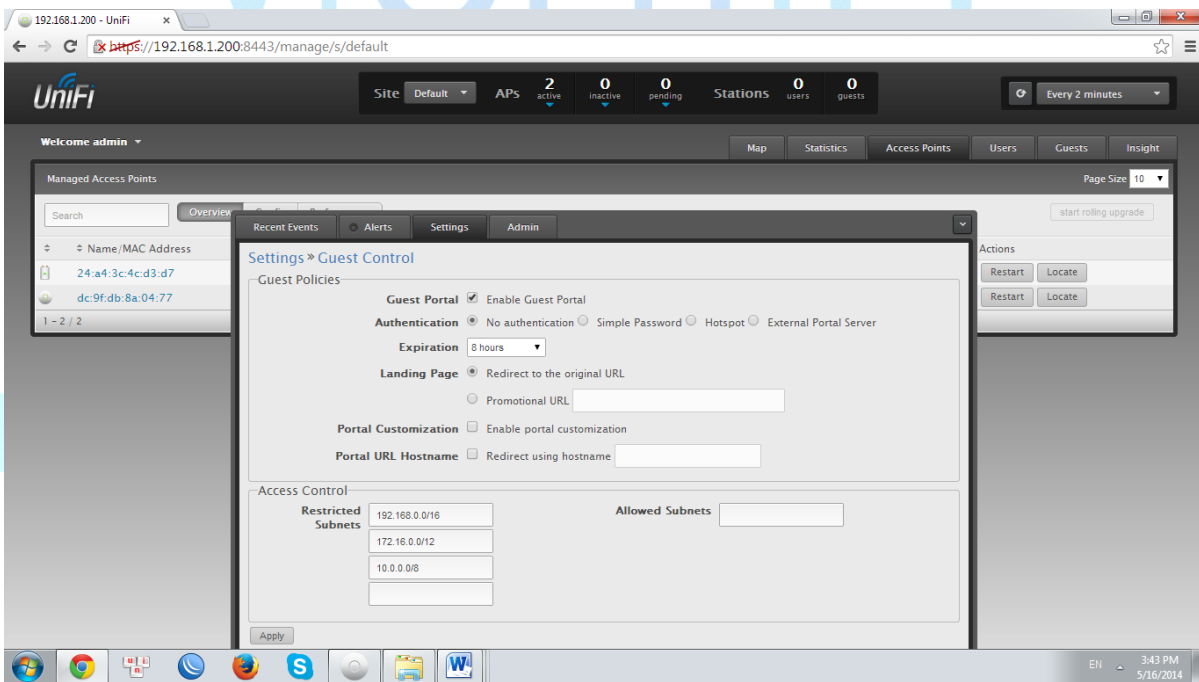
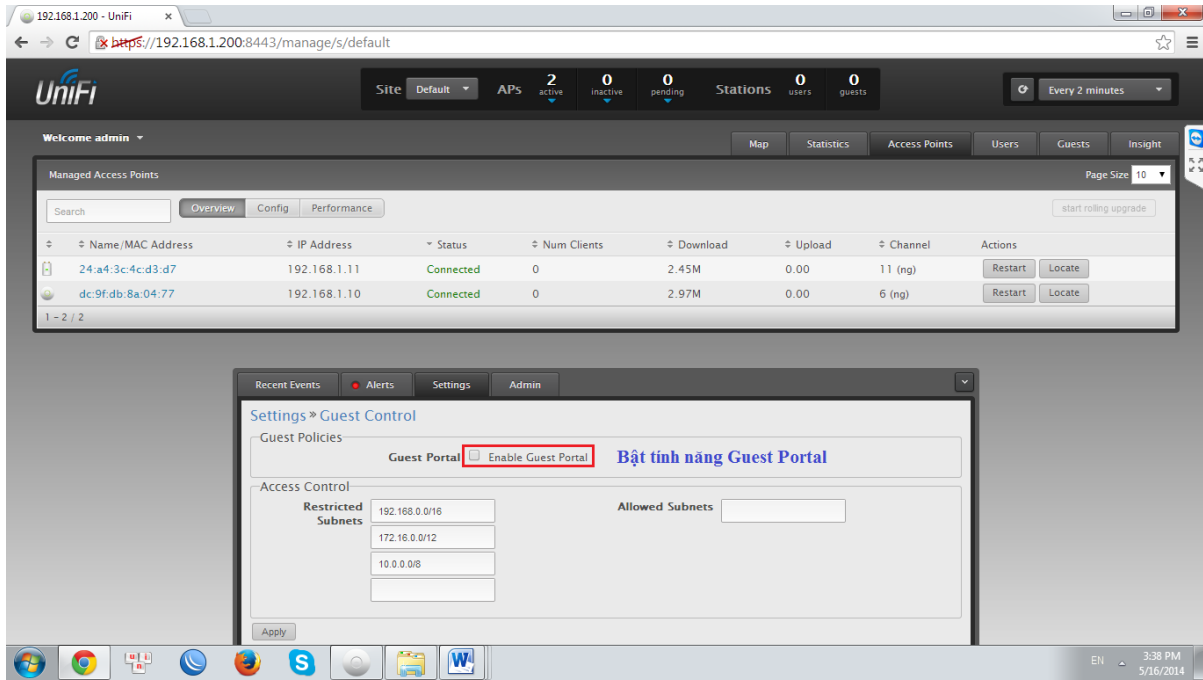
Tuy nhiên đối với chính sách guest, UniFi Controller còn cho phép nhiều tùy chọn cấu hình nâng cao khác, để cấu hình các chính sách guest, vào **Settings -> Guest Control**,

The screenshot shows the UniFi Controller web interface. At the top, there are site statistics: Site: Default, APs: 2 active, 0 inactive, 0 pending, Stations: 0 users, 0 guests. Below this is a 'Managed Access Points' table with columns for Name/MAC Address, IP Address, Status, Num Clients, Download, Upload, Channel, and Actions. Two APs are listed, both with status 'Connected'. A 'Settings' menu is overlaid on the interface, with 'Guest Control' highlighted in a red box. Other settings options include Site, Wireless Networks, User Groups, and Controller.

Trong giao diện **Guest Control** bao gồm phần **Guest Policies** cho phép cấu hình các phương thức truy cập đối với user guest, quy định các phương thức xác thực, tính cước, mật khẩu truy cập lớp 7, Hotspot ...; phần **Access Control** cho phép cấu hình giới hạn đối với các dải địa chỉ IP hoặc không giới hạn chính sách guest tới dải IP cụ thể được quy định.

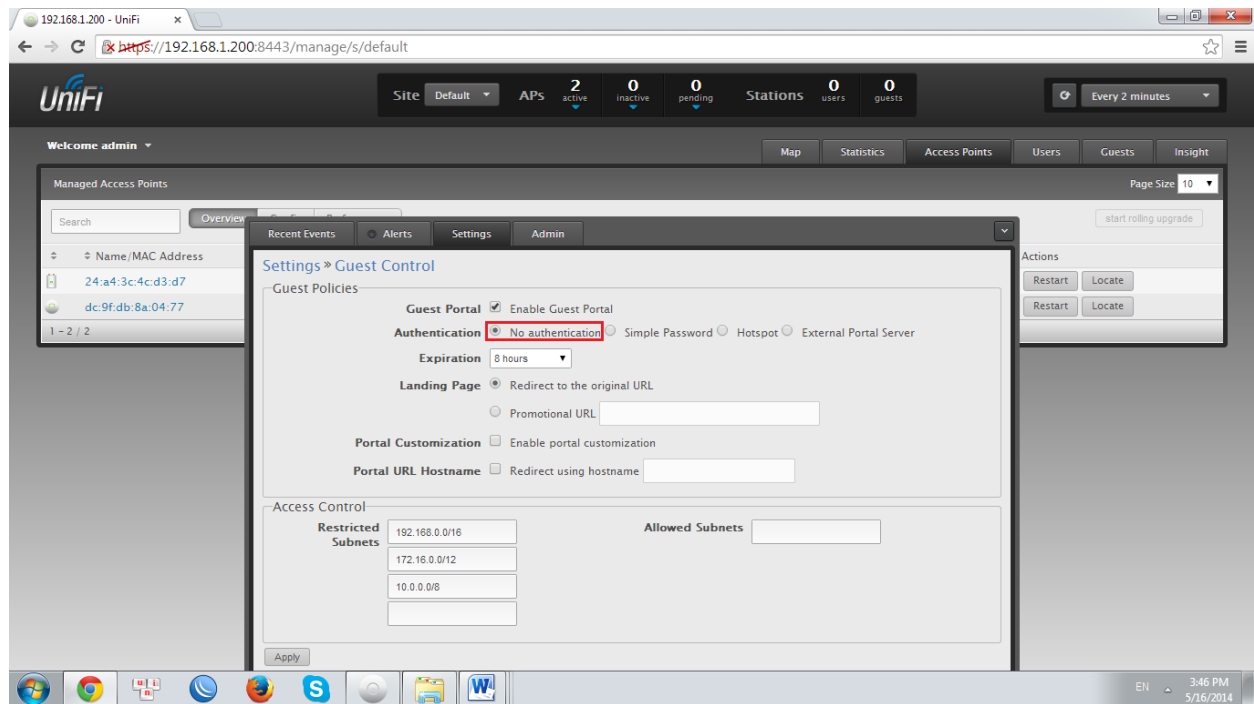
The screenshot shows the 'Settings > Guest Control' configuration page. It is divided into two main sections: 'Guest Policies' and 'Access Control'.  
Under 'Guest Policies':  
- 'Guest Portal' is checked, with 'Enable Guest Portal' selected.  
- 'Authentication' options include 'No authentication', 'Simple Password', 'Hotspot', and 'External Portal Server'.  
- 'Expiration' is set to '8 hours'.  
- 'Landing Page' options include 'Redirect to the original URL', 'Promotional URL', and 'External Portal Server'.  
- 'Portal Customization' has 'Enable portal customization' unchecked.  
- 'Portal URL Hostname' has 'Redirect using hostname' unchecked.  
Under 'Access Control':  
- 'Restricted Subnets' includes 192.168.0.0/16, 172.16.0.0/12, and 10.0.0.0/8.  
- 'Allowed Subnets' is currently empty.  
An 'Apply' button is at the bottom of the settings panel.

Bật tính năng *Guest Portal* để cấu hình các chính sách guest.

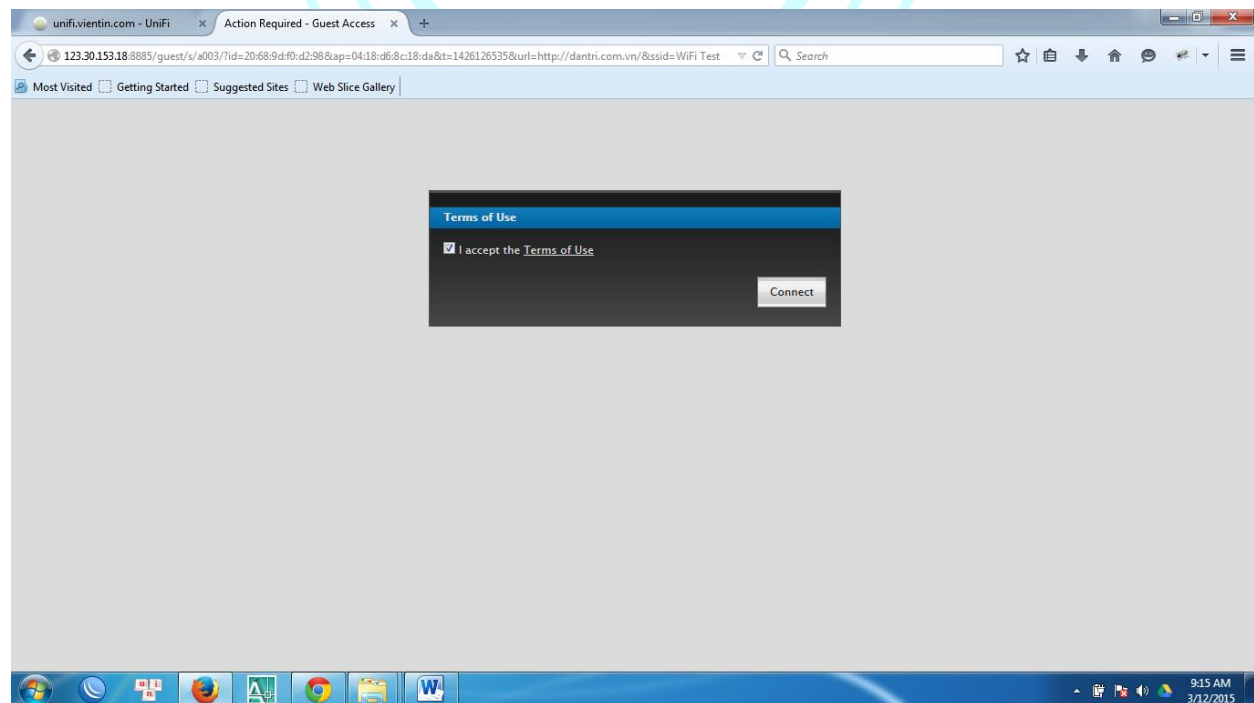


Tại đây, tùy theo phương thức xác thực mà có những tùy chọn cấu hình cụ thể:

- Chế độ không xác thực - *No authentication*



Chế độ không xác thực cho phép user truy cập theo kiểu “Click through”, click đồng ý các điều khoản và ra Internet.





Đối với chế độ không xác thực, có thể quy định thời lượng sử dụng cho từng user “guest” (theo các tùy chọn thời gian được xây dựng sẵn hoặc tùy chỉnh), sau thời gian này các user guest sẽ bị “đá” ra và phải kết nối lại nếu muốn.

The image displays two screenshots of the UniFi Guest Portal configuration interface. The top screenshot shows the 'Expiration' dropdown menu with options: 8 hours, 24 hours, 2 days, 3 days, 4 days, 7 days, and User-defined. The bottom screenshot shows the 'Expiration' field set to 'User-defined' with a value of '8' and a unit of 'hour'.

- Chế độ xác thực với password đơn giản – *Simple Password*



The image shows two screenshots from a UniFi network management interface. The top screenshot is the 'Settings > Guest Control' page. It features several sections: 'Guest Policies' with options for 'Enable Guest Portal', 'Authentication' (No authentication, Simple Password, Hotspot, External Portal Server), 'Guest Password' (12345678), 'Expiration' (8 hours), and 'Landing Page' (Redirect to the original URL). Below this is 'Portal Customization' and 'Access Control' with 'Restricted Subnets' and 'Allowed Subnets' fields. A red box highlights the 'Simple Password' option and the 'Guest Password' field. A blue text annotation reads: 'Mật khẩu xác thực trên giao diện truy cập. Tính năng thời hạn giống như trong chế độ không xác thực.' The bottom screenshot shows a guest portal page titled 'Action Required - Guest Access'. It displays a message: 'A password is required to access the wireless network.' Below this is a 'Guest Password' input field with a 'Connect' button. At the bottom, there is a 'Terms of Use' section with a checked checkbox: 'I accept the Terms of Use'.

Lưu ý, mật khẩu xác thực trong chế độ **Simple Password** là mật khẩu thuộc lớp 7 (đăng nhập thông qua Trang đăng nhập), khác với mật khẩu truy cập trong Wireless Networks là mật khẩu

lớp 2. Khuyến cáo chỉ nên sử dụng một trong hai loại để giảm bớt tính phức tạp trong truy cập Internet đối với khách hàng.

➤ Chế độ xác thực **Hotspot**

Chế độ **Hotspot** cho phép xây dựng mạng WiFi truy cập công cộng với các tính năng tạo voucher thanh toán sử dụng, tích hợp các công cụ thanh toán Online như PayPal, Quickpay. Có thể tạo các voucher cho từng người dùng hoặc nhiều người dùng theo thời hạn quy định.

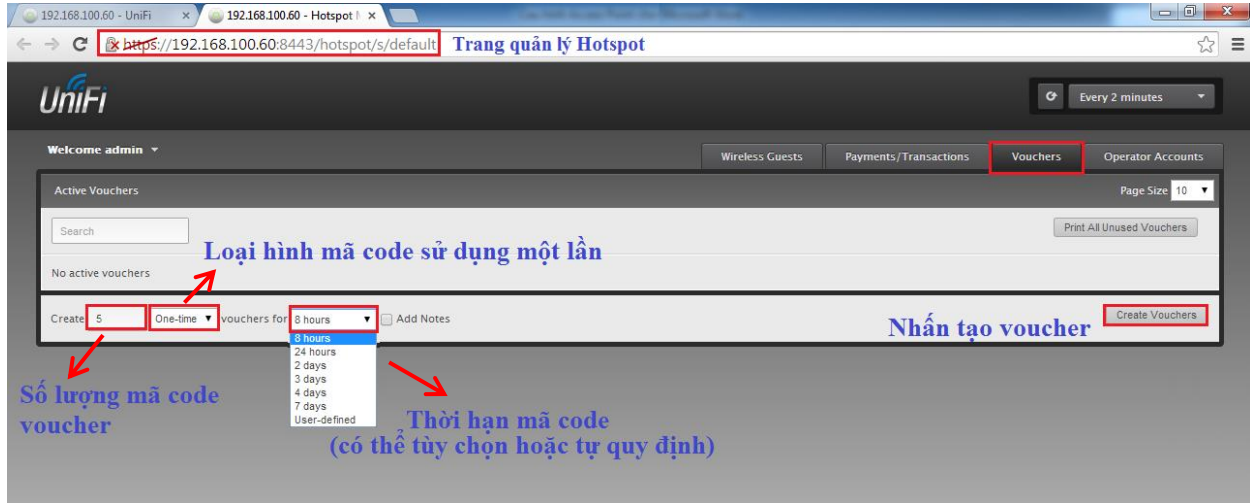
The screenshot shows the UniFi management interface. The 'Settings > Guest Control' page is displayed. In the 'Hotspot' section, the 'Voucher' checkbox is checked, and the 'Payment' checkbox is unchecked. The 'Hotspot Operator' link is highlighted with a red box. The page also shows 'Guest Policies' and 'Access Control' sections.

Thông thường tính năng dựa trên phương thức thanh toán Online không được áp dụng tại Việt Nam. Để xây dựng mô hình mạng Hotspot, lựa chọn triển khai theo phương thức voucher.

The screenshot shows the UniFi management interface. The 'Settings > Guest Control' page is displayed. In the 'Hotspot' section, the 'Voucher' checkbox is checked, and the 'Payment' checkbox is unchecked. The 'Hotspot Operator' link is highlighted with a red box. The page also shows 'Guest Policies' and 'Access Control' sections.

Trong trang quản lý voucher, vào tab **Vouchers** để tạo và quản lý các mã code voucher.

- ✓ Tạo voucher cho từng người dùng sử dụng một lần theo thời gian quy định



- ✓ Tạo voucher chung cho nhiều người dùng theo thời gian quy định



The screenshot shows the UniFi web interface for managing vouchers. The 'Active Vouchers' table is highlighted with a red border. The table contains the following data:

| Code        | Create Time         | Note | Duration | Status                 | Actions            |
|-------------|---------------------|------|----------|------------------------|--------------------|
| 53724-78642 | 2014/05/21 14:54:58 |      | 8h       | Valid for one-time use | Revoke Print batch |
| 05961-00828 | 2014/05/21 14:54:58 |      | 8h       | Valid for one-time use | Revoke Print batch |
| 42121-14147 | 2014/05/21 14:54:58 |      | 8h       | Valid for one-time use | Revoke Print batch |
| 50144-35076 | 2014/05/21 14:54:58 |      | 8h       | Valid for one-time use | Revoke Print batch |
| 55859-00555 | 2014/05/21 14:54:58 |      | 8h       | Valid for one-time use | Revoke Print batch |
| 07695-97940 | 2014/05/21 14:54:54 |      | 8h       | Valid for multi-use    | Revoke Print batch |
| 07081-00544 | 2014/05/21 14:54:54 |      | 8h       | Valid for multi-use    | Revoke Print batch |
| 28167-84859 | 2014/05/21 14:54:54 |      | 8h       | Valid for multi-use    | Revoke Print batch |
| 93034-62828 | 2014/05/21 14:54:54 |      | 8h       | Valid for multi-use    | Revoke Print batch |
| 49177-23782 | 2014/05/21 14:54:54 |      | 8h       | Valid for multi-use    | Revoke Print batch |

At the bottom of the interface, there is a form to create vouchers: 'Create 5 One-time vouchers for 8 hours' with an 'Add Notes' checkbox and a 'Create Vouchers' button.

✓ Quản lý Voucher

Các voucher sau khi được sử dụng hết thời hạn sẽ tự động được xóa khỏi trang quản lý voucher. Hoặc cũng có thể xóa bỏ voucher đang tồn tại bằng cách nhấn chọn **Revoke**

✓ Sử dụng mã code voucher đăng nhập với mạng WiFi Hotspot

Với mạng WiFi Hotspot sử dụng voucher, sau khi kết nối vào mạng khi truy cập Internet sẽ yêu cầu nhập mã code voucher để xác thực.

The screenshot shows a web page for redeeming a voucher. A modal window titled 'I have a voucher' is displayed, containing a text input field with the voucher code '5372478642' and a 'Use Voucher' button. Below the input field, there is a 'Terms of Use' section with a checked checkbox and the text 'I accept the Terms of Use'. To the right of the modal, the text 'Nhập mã code voucher để xác thực' is displayed.

✓ Quản lý các user guest sử dụng mã code voucher

Các user guest sử dụng mã code voucher có thể được quản lý trong phần **Wireless Guest** trên trang quản lý Hotspot

Địa chỉ MAC của thiết bị

Giá trị thời hạn voucher sử dụng

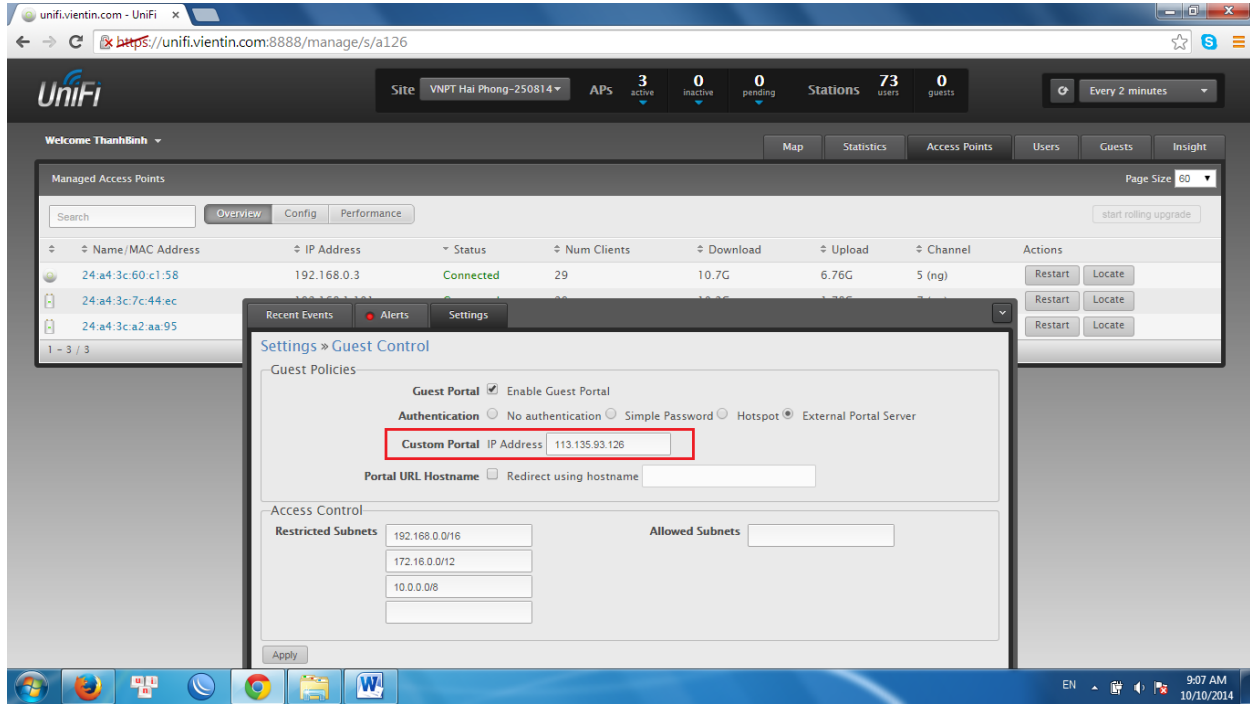
Nút Extend cho phép gia hạn thêm một ngày sử dụng sau mỗi một click

Các voucher đang được sử dụng cũng được thể hiện trong tab **Vouchers**.

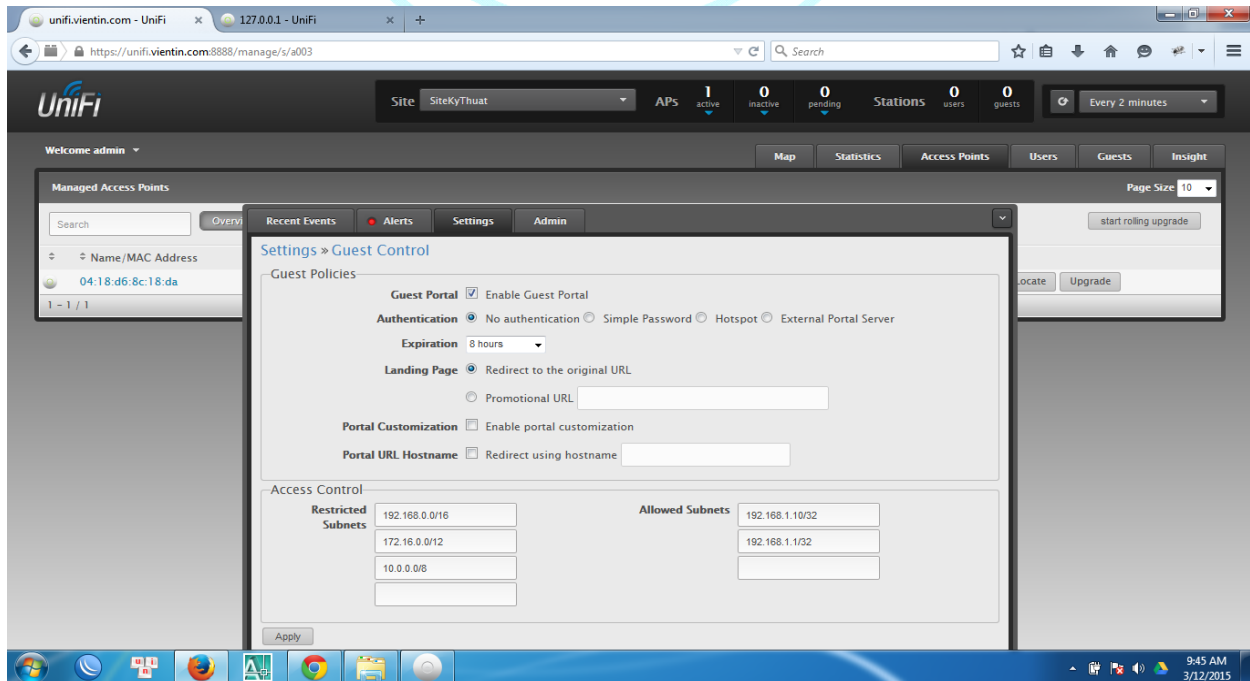
| Code        | Create Time         | Note | Duration | Status                                | Actions            |
|-------------|---------------------|------|----------|---------------------------------------|--------------------|
| 85963-85159 | 2014/05/26 13:53:45 |      | 8h       | Valid for multi-use                   | Revoke Print batch |
| 75515-26311 | 2014/05/26 13:53:45 |      | 8h       | Used 2 time(s), expires in 7h 56m 55s | Revoke Print batch |
| 54266-78662 | 2014/05/26 13:53:36 |      | 8h       | Valid for one-time use                | Revoke Print batch |
| 82756-04606 | 2014/05/26 13:53:36 |      | 8h       | Valid for one-time use                | Revoke Print batch |

➤ Chế độ xác thực dựa trên một Server ngoài – External Portal Server

Với tính năng này cho phép xây dựng một trang xác thực với server bên ngoài, có thể tùy chỉnh kết nối “Click Through”, hoặc tạo các trường để thu thập thông tin người dùng...



b) Cấu hình Áp đặt giới hạn hoặc không giới hạn trong chế độ Guest.  
Trong phần **Access Control**:





+ **Restricted Subnets**: Cho phép cấu hình các subnet mạng, hoặc địa chỉ IP sẽ bị giới hạn truy cập trong chính sách “guest”.

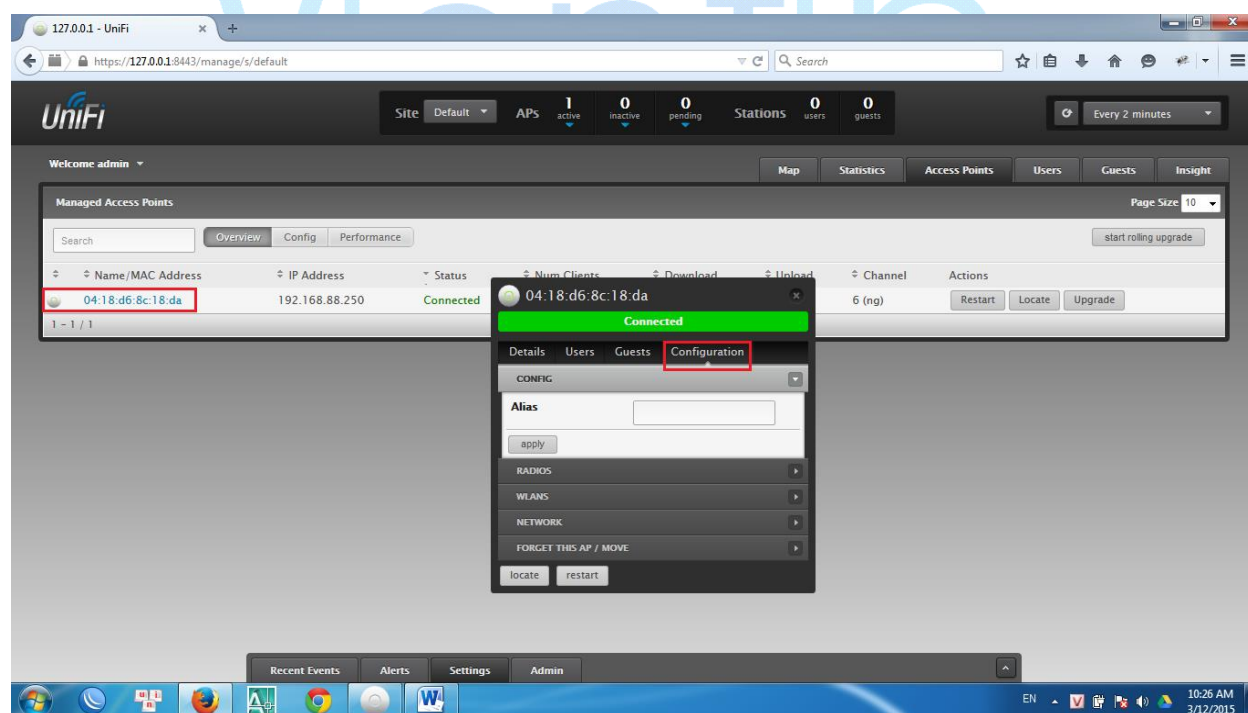
+ **Allowed Subnets**: Cho phép cấu hình các subnet mạng, hoặc địa chỉ IP không bị giới hạn truy cập trong chính sách “guest”.

Lưu ý: Các địa chỉ IP hoặc subnet được cấu hình trong Restricted Subnets và Allowed Subnets có thể là địa chỉ IP/ subnet mà các user quyền “guest” không thể truy cập vào (không phụ thuộc địa chỉ của user “guest”), hoặc có thể là chính địa chỉ IP/ subnet của user “guest” mà sẽ bị hạn chế truy cập (phụ thuộc địa chỉ user “guest”).

## II. Cấu hình trên từng Access Point

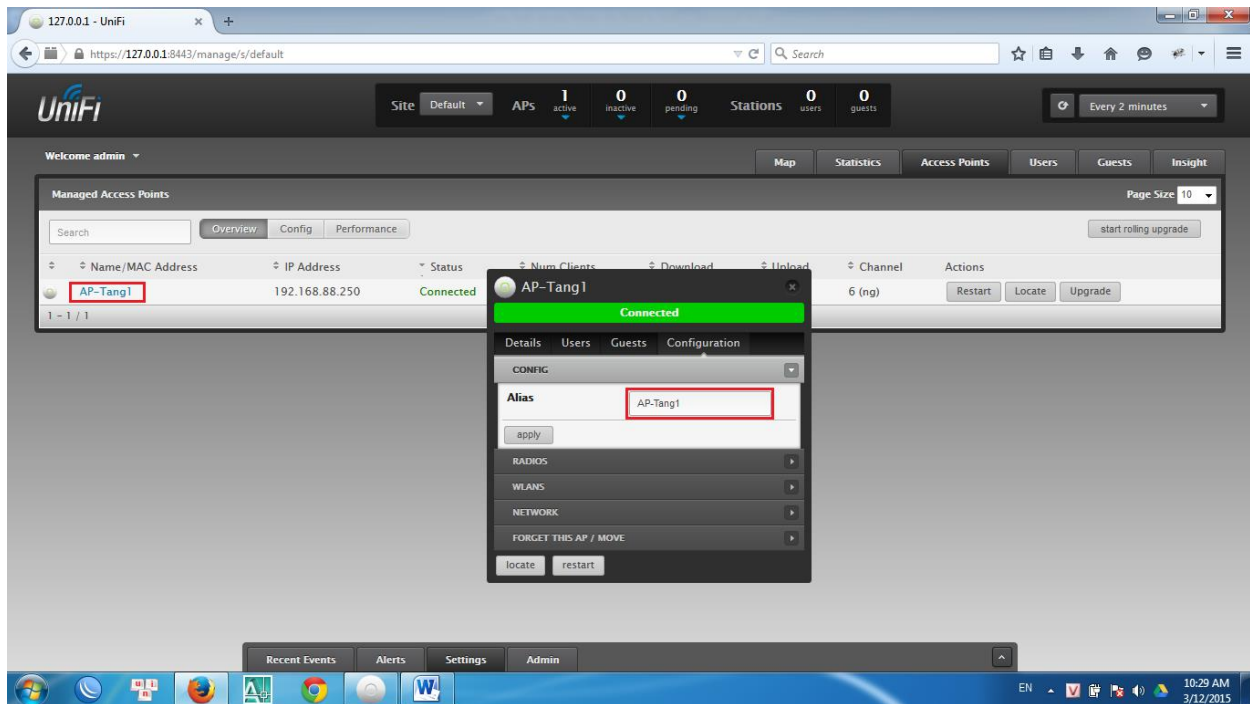
Tất cả các Access Point trong cùng UniFi Controller, mặc định sẽ được áp đặt cấu hình cơ bản của UniFi Controller, ngoài ra cũng có thể cấu hình một số cân chỉnh khác cho từng thiết bị Access Point:

Click vào thiết bị Access Point muốn cấu hình trong tab **Access Point**, chọn **Configuration**:

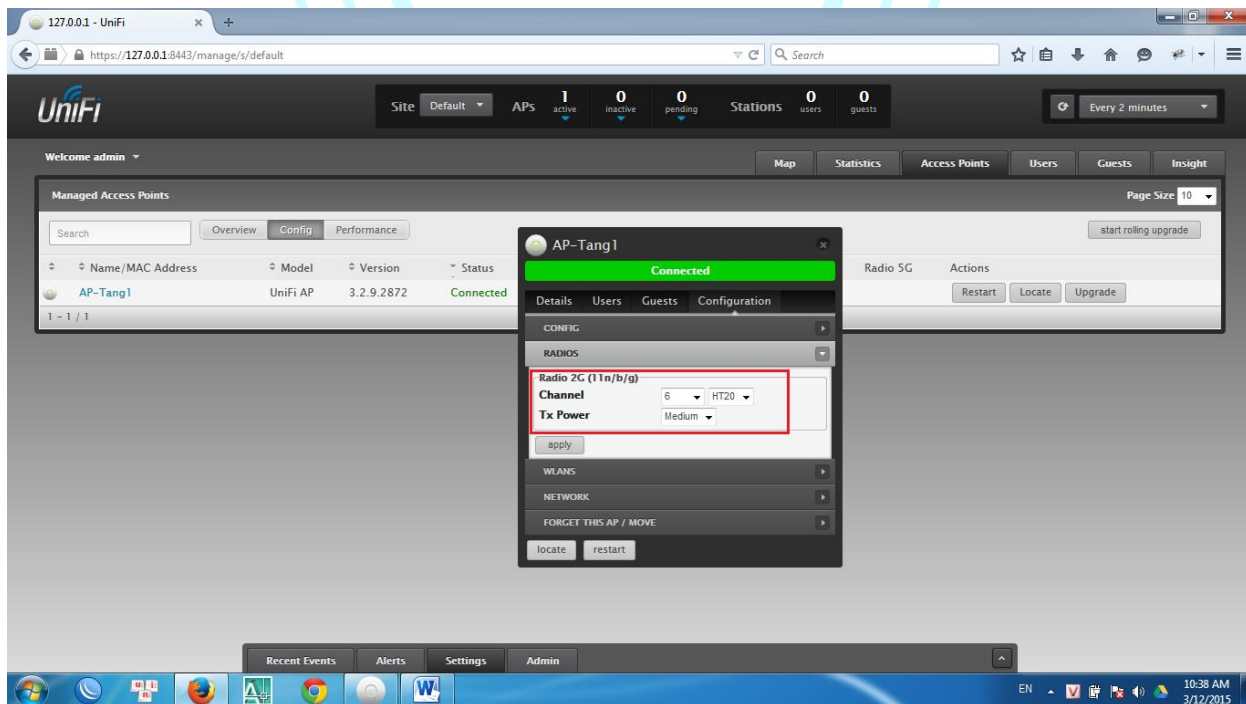


+ **Alias**: Cho phép cấu hình tên định danh của thiết bị hiển thị trong phần mềm UniFi Controller.

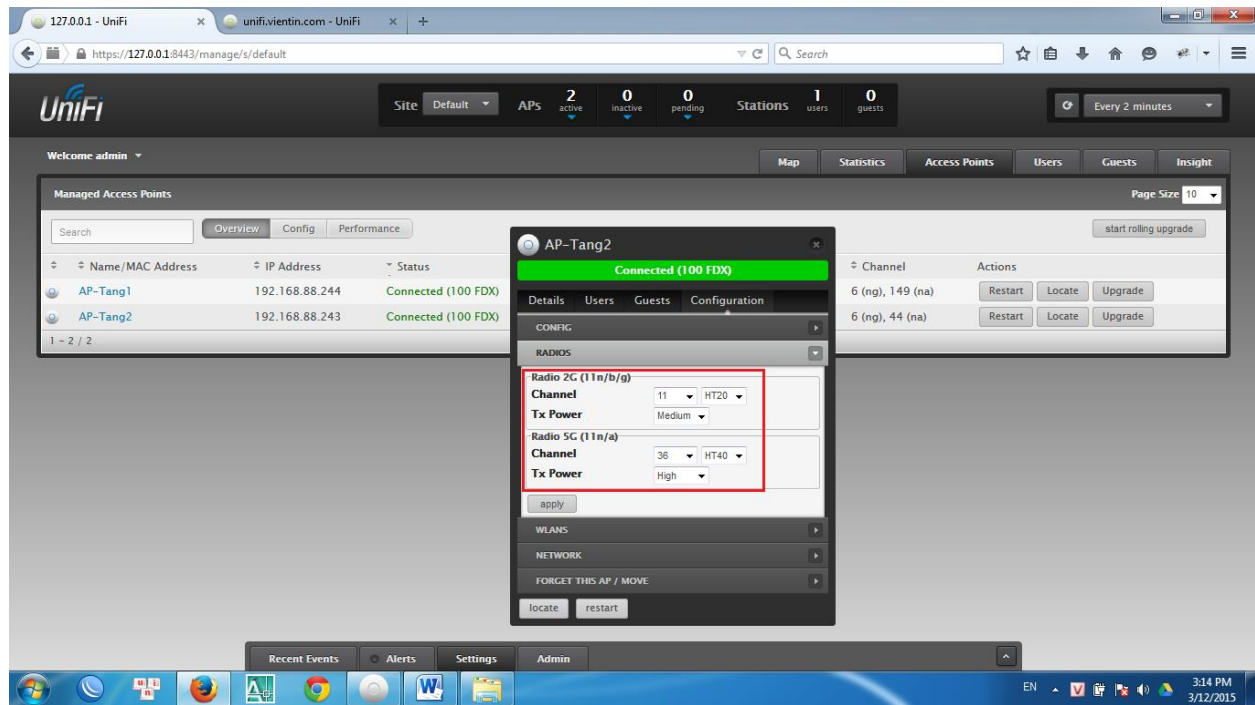




+ **Radios**: Cho phép thiết đặt cấu hình kênh phát, độ rộng kênh, mức công suất”.



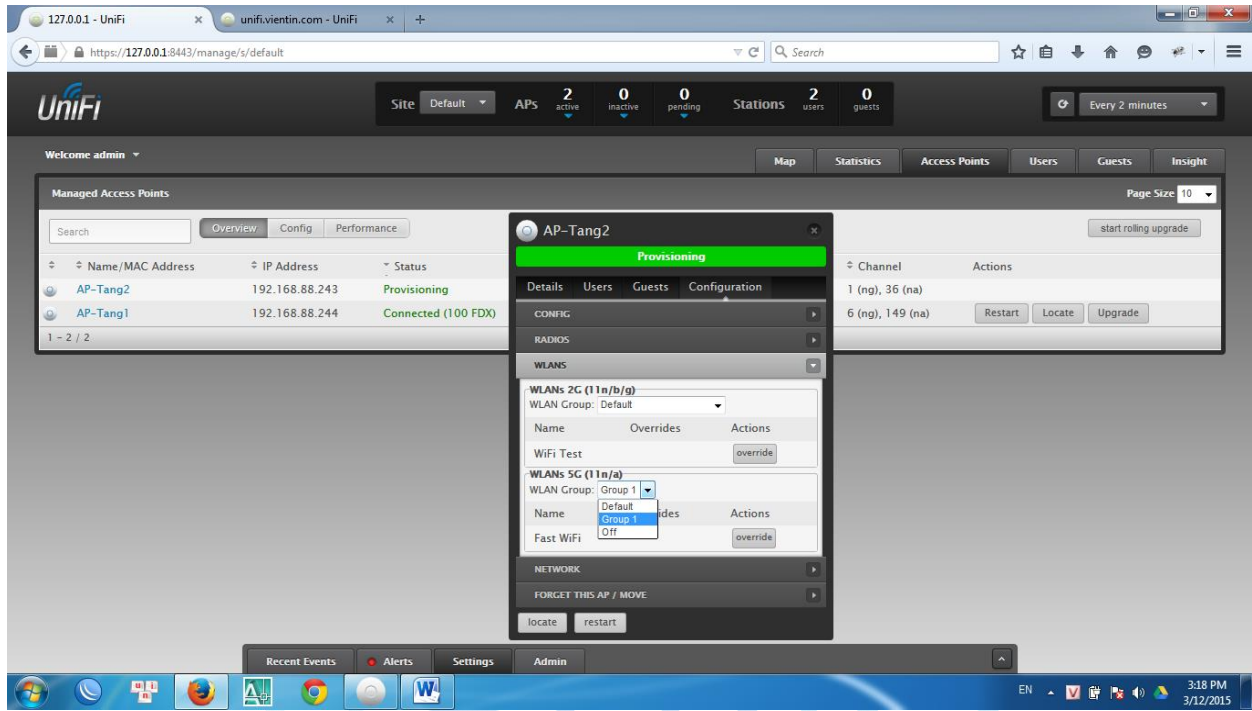
## Với thiết bị 2 băng tần



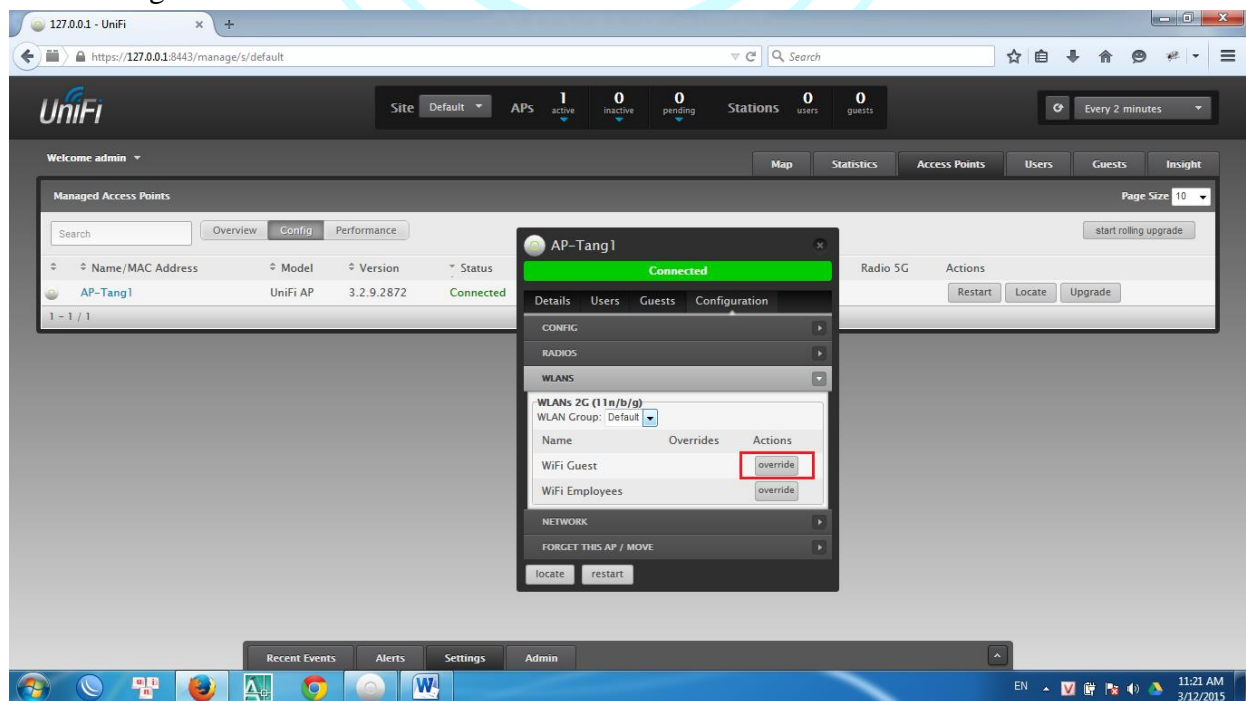
- ✓ **Channel:** cho phép tùy chọn đặt kênh, hoặc Auto; cấu hình độ rộng kênh HT20 hoặc HT40
- ✓ **Tx Power:** Cho phép tùy chọn cấu hình cấu hình công suất High, Medium, Low hoặc tự đặt mức công suất Custom

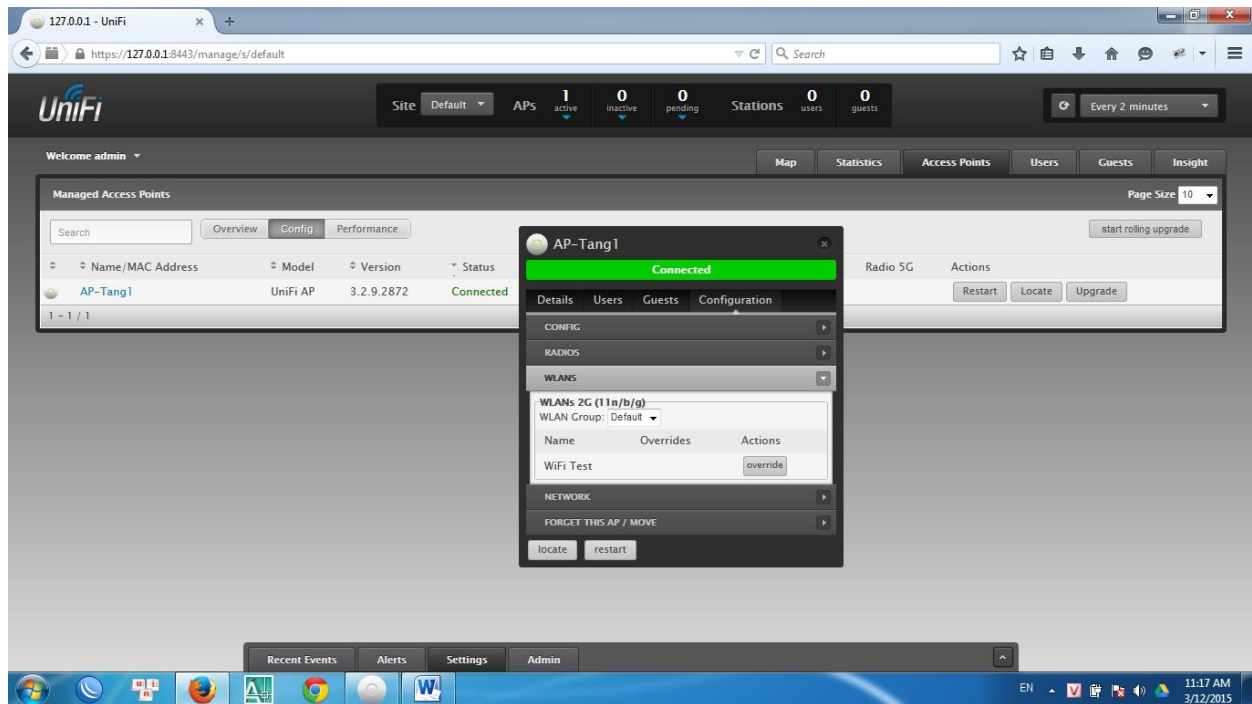
+ **WLAN:** Cho phép lựa chọn **Group WLAN**, quản lý các SSID đang phát trong trường hợp cấu hình nhiều SSID (có thể lựa chọn một hoặc nhiều SSID để phát)

Với thiết bị 2 dải tần, mỗi dải tần có thể lựa chọn một nhóm WLAN riêng biệt.

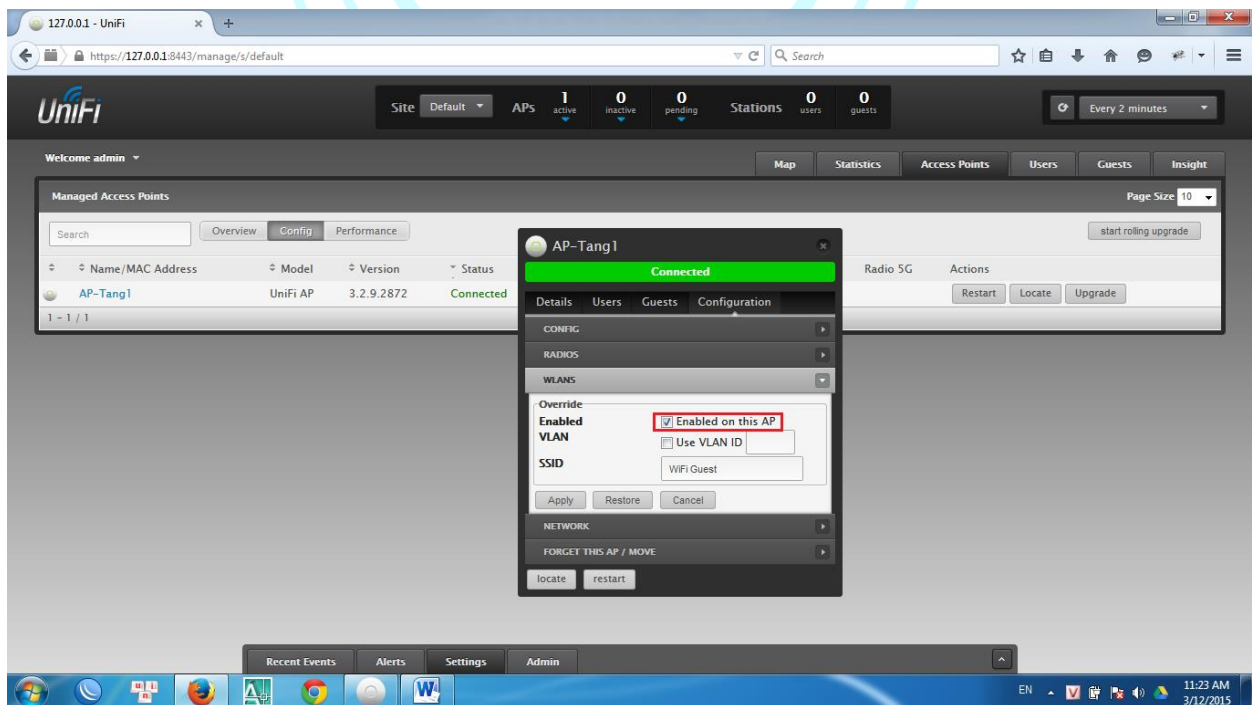


Trong trường hợp có nhiều SSID, có thể lựa chọn phát toàn bộ SSID hoặc chỉ phát một số SSID nào đó bằng cách click vào nút *Override*.

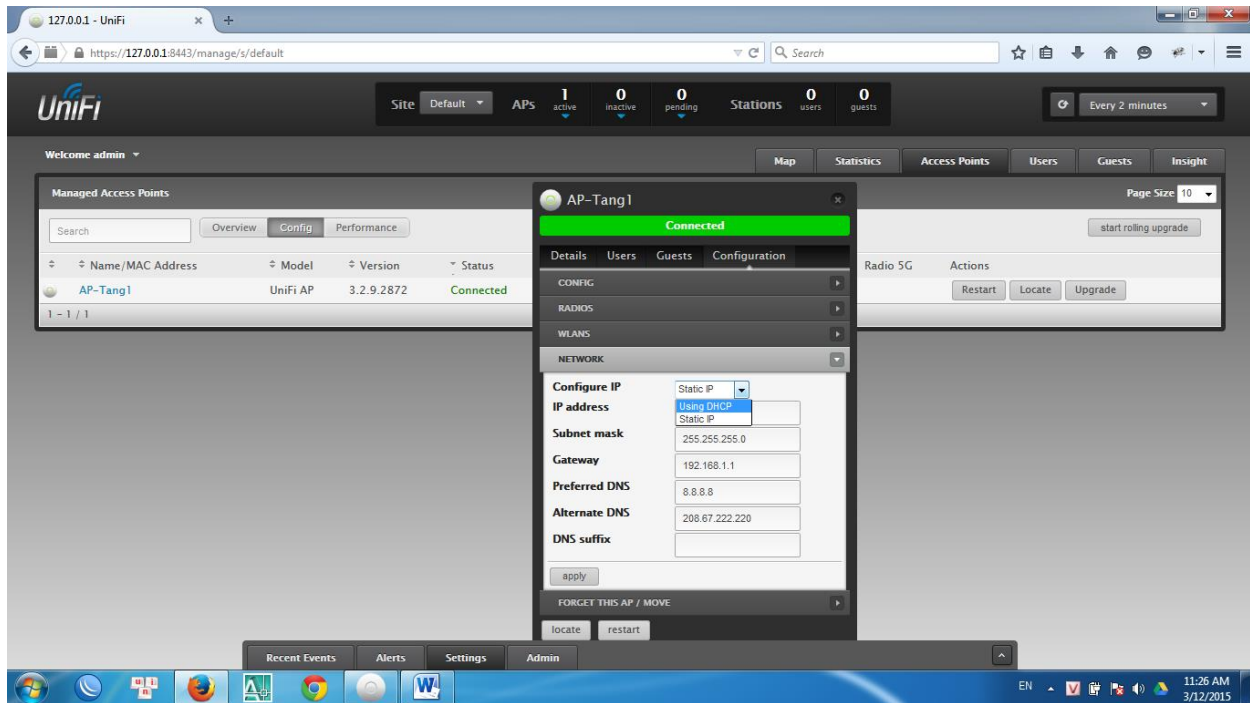




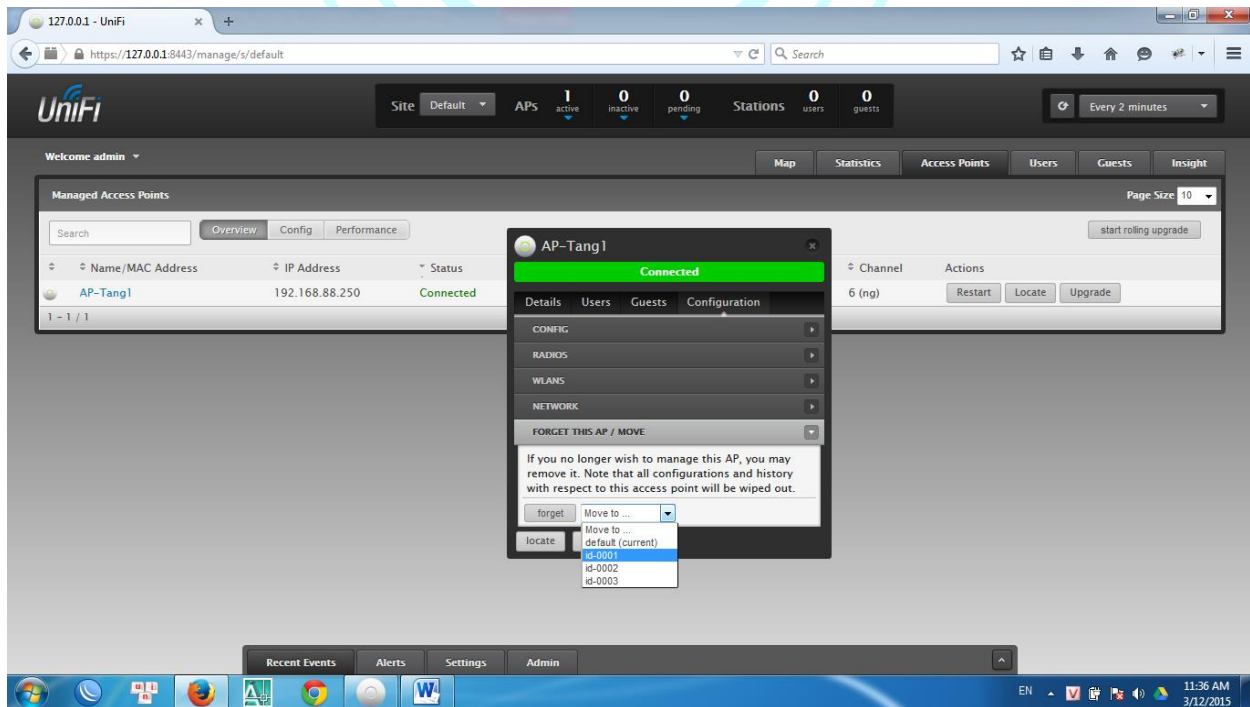
Bật hoặc tắt SSID tương ứng,



+ **Network**: Cho phép cấu hình địa chỉ IP cho thiết bị Access Point trong lựa chọn **Static IP**, hoặc có thể đặt chế độ **Using DHCP** nếu để Server tự cấp địa chỉ IP cho thiết bị.



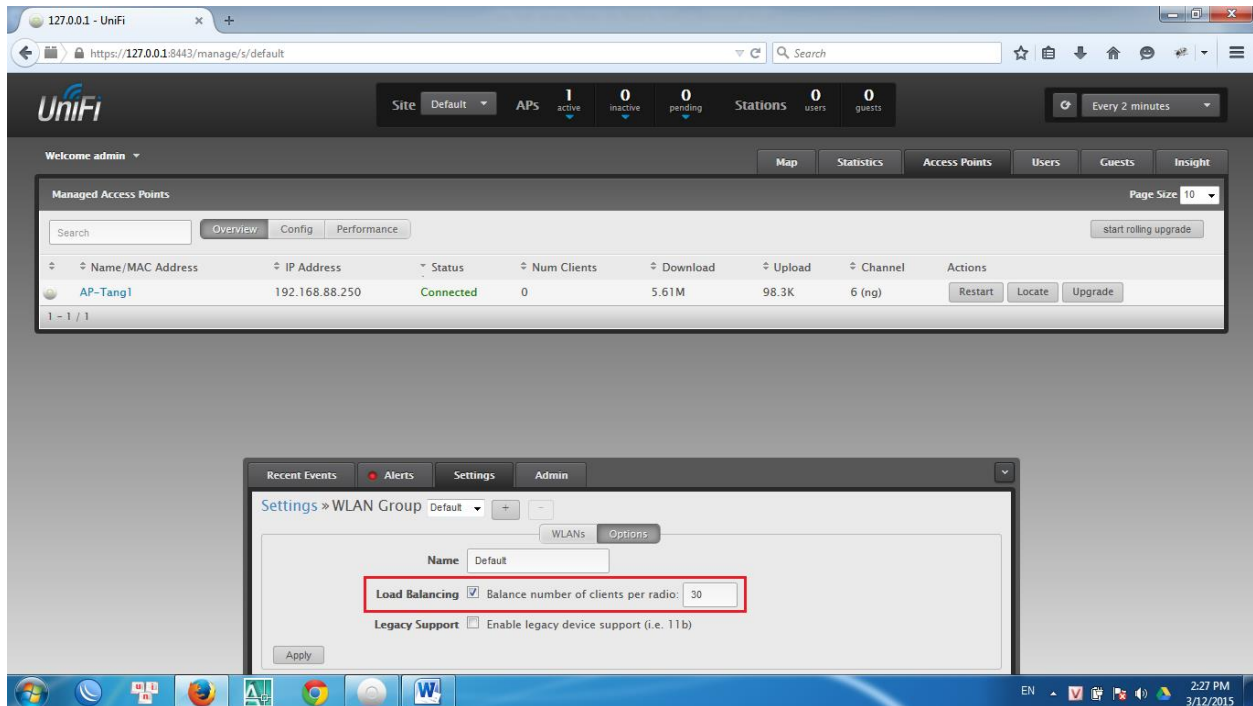
+ **Forget this AP/ move**: Cho phép reset cấu hình thiết bị và xóa khỏi site quản lý (**Forget**), hoặc chuyển thiết bị sang một site quản lý khác (**Move to**)



### III. Một số cấu hình nâng cao khác

#### 1. Cấu hình cân bằng tải người dùng

Trong mỗi WLAN Group, có thể cấu hình cho cân bằng tải người dùng trên từng AP trong nhóm đó, vào **Settings** → **Wireless Networks** → **Options**, trong tùy chọn này bật cấu hình **Load Balancing** với số user giới hạn trên mỗi thiết bị.



The screenshot shows the UniFi controller interface. At the top, there are statistics for Site (Default), APs (1 active, 0 inactive, 0 pending), and Stations (0 users, 0 guests). Below this is a table for Managed Access Points. The table has columns for Name/MAC Address, IP Address, Status, Num Clients, Download, Upload, Channel, and Actions. One AP, AP-Tang1, is listed with IP 192.168.88.250, Status Connected, and 0 clients. Below the table, there is a settings window for a WLAN Group. The 'Options' tab is selected, and the 'Load Balancing' checkbox is checked. The 'Balance number of clients per radio' is set to 30. There is also a 'Legacy Support' checkbox which is unchecked. The 'Apply' button is visible at the bottom of the settings window.

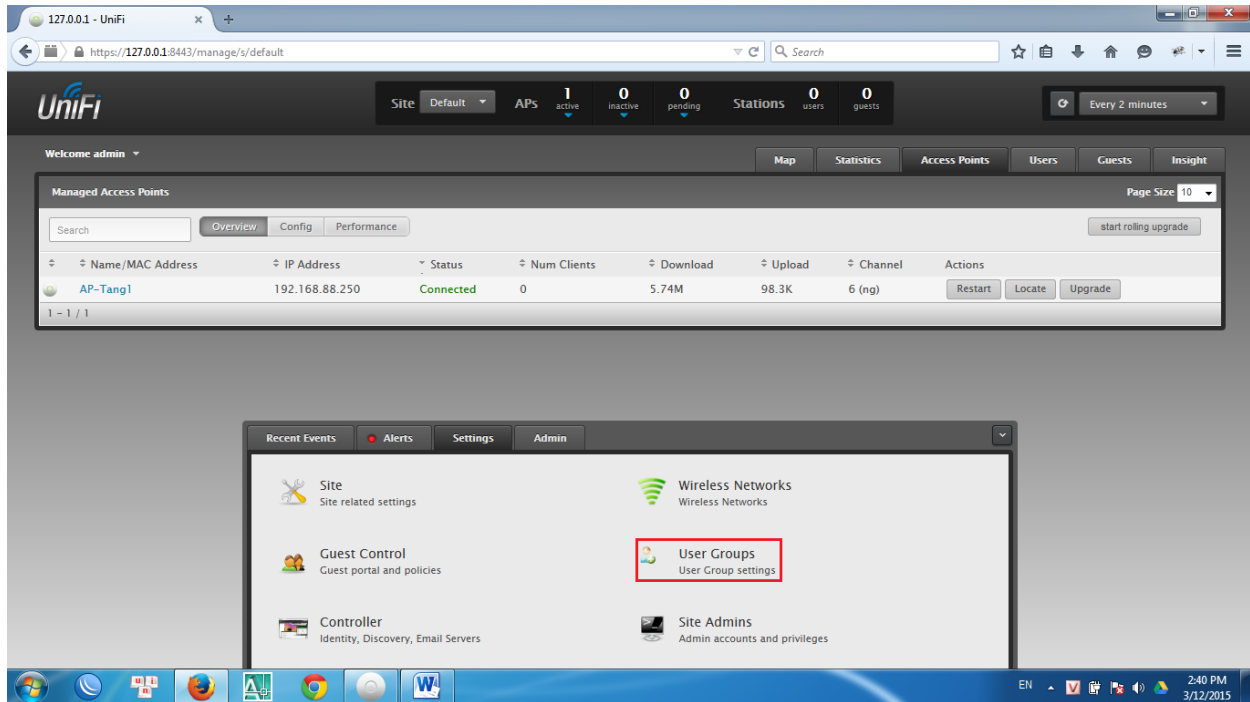
| Name/MAC Address | IP Address     | Status    | Num Clients | Download | Upload | Channel | Actions                  |
|------------------|----------------|-----------|-------------|----------|--------|---------|--------------------------|
| AP-Tang1         | 192.168.88.250 | Connected | 0           | 5.61M    | 98.3K  | 6 (ng)  | Restart, Locate, Upgrade |

Lưu ý, trong mục này cũng cho phép thay đổi tên Group WLAN, và cho phép cấu hình tùy chọn tương thích thiết bị chuẩn cũ.



## 2. Cấu hình quy định bằng thông

Để cấu hình quy định bằng thông, vào *Settings*, chọn *User Group*,



The screenshot shows the UniFi web interface. At the top, there are navigation tabs for Site (Default), APs (1 active, 0 inactive, 0 pending), Stations (0 users, 0 guests), and a refresh button set to 'Every 2 minutes'. Below this is a 'Managed Access Points' section with a table listing APs. A 'Settings' menu is open, showing options like Site, Guest Control, Controller, Wireless Networks, User Groups (highlighted with a red box), and Site Admins. The Windows taskbar at the bottom shows the time as 2:40 PM on 3/12/2015.

| Name/MAC Address | IP Address     | Status    | Num Clients | Download | Upload | Channel | Actions                  |
|------------------|----------------|-----------|-------------|----------|--------|---------|--------------------------|
| AP-Tang1         | 192.168.88.250 | Connected | 0           | 5.74M    | 98.3K  | 6 (ng)  | Restart, Locate, Upgrade |

Tạo một chính sách bằng thông mới hoặc chỉnh sửa với nhóm *Default*,



The screenshot shows the UniFi controller interface. At the top, there are statistics for Site (Default), APs (1 active, 0 inactive, 0 pending), Stations (1 users, 0 guests), and a refresh button set to 'Every 2 minutes'. Below this is a 'Managed Access Points' table with one entry: AP-Tang1, IP 192.168.88.250, Status Connected, 1 client, 6.14M download, 260K upload, and channel 6 (ng). Below the table is a 'Settings > User Groups' window. It shows 'User Group Settings' with a table containing one entry: 'Default' with 'Download: Unlimited, Upload: Unlimited'. A red box highlights the 'Create' button at the bottom of this window.

| Name/MAC Address | IP Address     | Status    | Num Clients | Download | Upload | Channel | Actions                |
|------------------|----------------|-----------|-------------|----------|--------|---------|------------------------|
| AP-Tang1         | 192.168.88.250 | Connected | 1           | 6.14M    | 260K   | 6 (ng)  | Restart Locate Upgrade |

| Name    | Bandwidth Limit                        | Actions |
|---------|--|---------|
| Default | Download: Unlimited, Upload: Unlimited | edit    |

The screenshot shows the UniFi controller interface. The 'Managed Access Points' table now shows 0 clients for AP-Tang1, with 5.78M download and 98.3K upload. Below it is the 'Settings > User Groups > New User Group' window. It shows 'User Group Settings' with a red box around the following fields: Name (1Mbps), Bandwidth Limit (Download) (checked, limited to 1024 Kbps), and Bandwidth Limit (Upload) (checked, limited to 1024 Kbps). 'Create' and 'Cancel' buttons are at the bottom.

| Name/MAC Address | IP Address     | Status    | Num Clients | Download | Upload | Channel | Actions                |
|------------------|----------------|-----------|-------------|----------|--------|---------|------------------------|
| AP-Tang1         | 192.168.88.250 | Connected | 0           | 5.78M    | 98.3K  | 6 (ng)  | Restart Locate Upgrade |

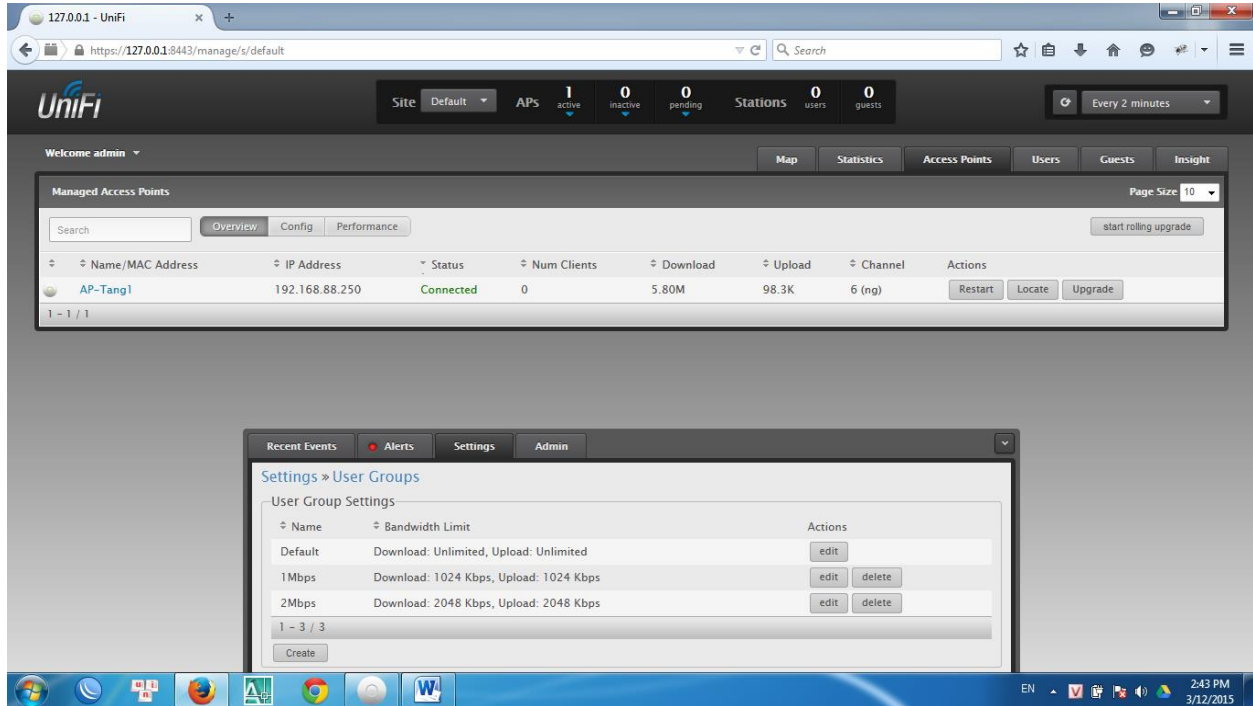
Name: 1Mbps

Bandwidth Limit (Download)  limited to 1024 Kbps

Bandwidth Limit (Upload)  limited to 1024 Kbps



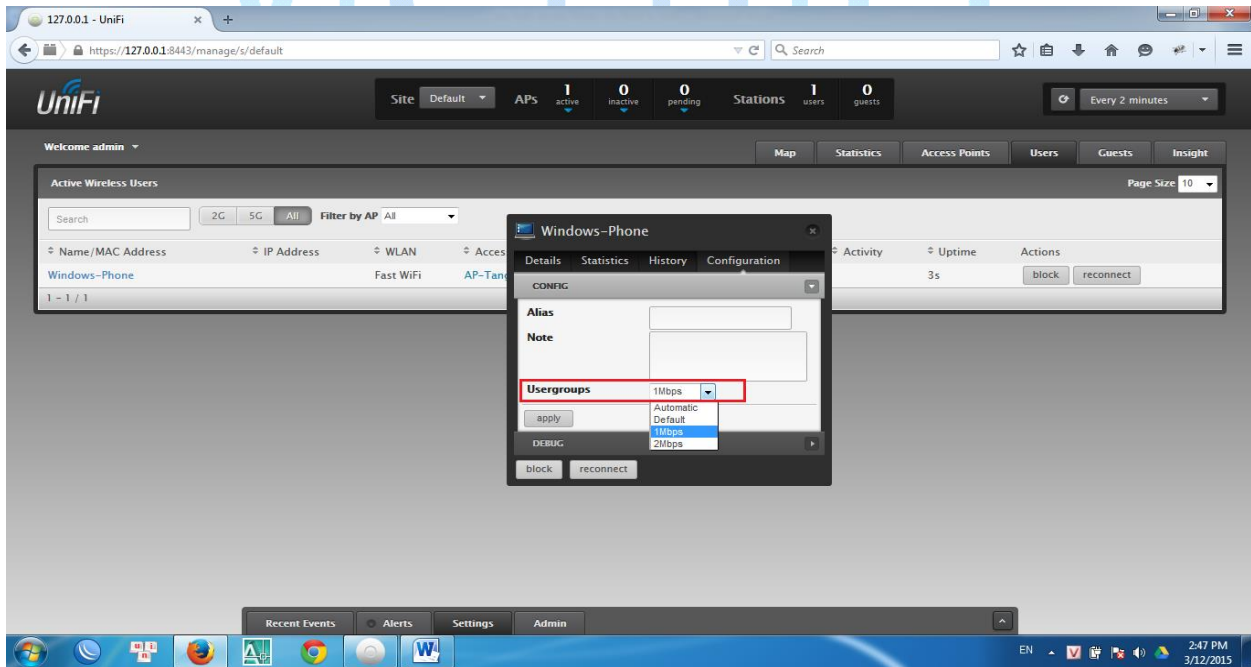
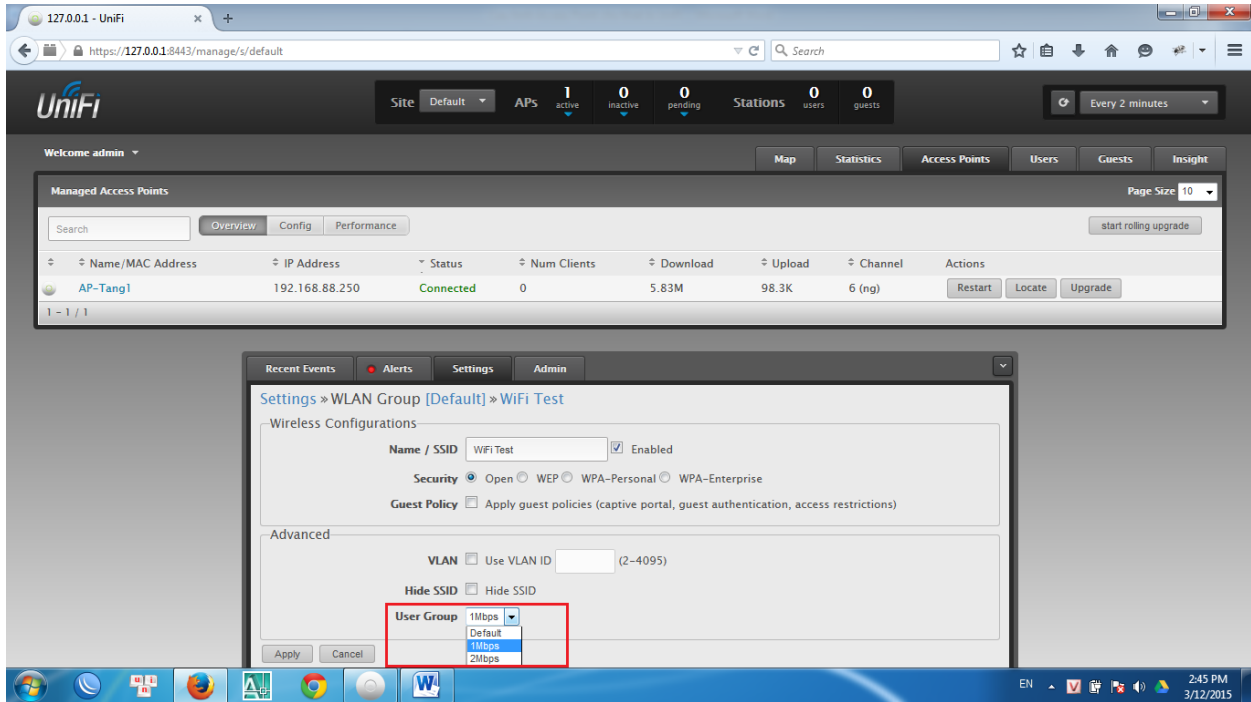
Bật tính năng tùy chọn cho giới hạn băng thông download và upload, và cấu hình giá trị băng thông:



The screenshot shows the UniFi web interface. The top navigation bar includes Site (Default), APS (1 active, 0 inactive, 0 pending), STATIONS (0 users, 0 guests), and a refresh button set to 'Every 2 minutes'. The main content area is titled 'Managed Access Points' and shows a table with one entry: AP-Tang1, IP Address 192.168.88.250, Status Connected, 0 Num Clients, 5.80M Download, 98.3K Upload, and Channel 6 (ng). Below this, a modal window titled 'Settings » User Groups' is open, showing 'User Group Settings' with a table of user groups:

| Name    | Bandwidth Limit                        | Actions     |
|---------|--|-------------|
| Default | Download: Unlimited, Upload: Unlimited | edit        |
| 1Mbps   | Download: 1024 Kbps, Upload: 1024 Kbps | edit delete |
| 2Mbps   | Download: 2048 Kbps, Upload: 2048 Kbps | edit delete |

Sau đó vào trong phần cấu hình SSID, ta lựa chọn chính sách băng thông User Group muốn thiết lập cho người dùng khi truy cập vào SSID đó,



Ngoài ra, cũng có thể quy định băng thông cho một user cụ thể đã truy cập bằng cách click chọn vào user muốn quy định và lựa chọn chính sách băng thông trong Usergroups,



HỢP ĐỒNG CỦA NIỀM TIN

Hướng dẫn thực hành hệ thống UniFi

## Kết thúc phần thực hành UniFi

-----o0o-----

Chân thành cảm ơn các bạn!



HỢP ĐỒNG CỦA NIỀM TIN